

Số: /QĐ-UBND

Bình Phước, ngày tháng 4 năm 2022

**QUYẾT ĐỊNH**

**Công bố thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực Du lịch được tiếp nhận tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh thuộc thẩm quyền quản lý và giải quyết của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch trên địa bàn tỉnh Bình Phước**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;*

*Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Nghị định số 107/2021/NĐ-CP ngày 06/12/2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Quyết định số 757/QĐ-BVHTTDL ngày 31/3/2022 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực du lịch thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;*

*Căn cứ Quyết định số 14/2018/QĐ-UBND ngày 06/3/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy chế phối hợp giữa Văn phòng UBND tỉnh với các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện, UBND cấp xã trong việc cập nhật, công bố, công khai thủ tục hành chính trên địa bàn tỉnh Bình Phước;*

*Xét đề nghị của Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tại Tờ trình số 811/TTr-SVHTTDL ngày 06/4/2022.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố kèm theo Quyết định này thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực Du lịch được tiếp nhận tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh thuộc thẩm quyền quản lý và giải quyết của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch trên địa bàn tỉnh Bình Phước (*Phụ lục kèm theo*).

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Bãi bỏ các thủ tục hành chính đến hết ngày 30/6/2022 gồm: Thủ tục hành chính có số thứ tự 100, 101, 102, 107, 114, 115, 116, 117, 118 tại điểm III.1, khoản III mục A thuộc Phần I Danh mục thủ tục hành chính và Nội dung của thủ tục hành chính có số thứ tự 100, 101, 102 (từ trang 412 đến hết trang 423), số 107 (từ trang 436 đến hết trang 438), số 114, 115, 116, 117, 118 (từ trang 466 đến hết trang 484) tại điểm III.1, khoản III mục A thuộc Phần II Nội dung cụ thể của thủ tục hành chính được ban hành kèm theo Quyết định số 375/QĐ-UBND ngày 02/3/2022 của UBND tỉnh về công bố TTHC được chuẩn hóa được tiếp nhận tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã thuộc thẩm quyền quản lý và giải quyết của ngành Văn hóa, Thể thao và Du lịch trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

**Điều 3.** Các ông (bà): Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố; Chủ tịch UBND các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Bộ VH,TT&DL;
- Cục KSTTHC (VPCP);
- CT; các PCT UBND tỉnh;
- Như Điều 3;
- LĐVP, các phòng, Trung tâm;
- Lưu: VT, KSTTHC.

**KT.CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Trần Tuyết Minh**

**THỦ TỤC HÀNH CHÍNH  
SỬA ĐỔI, BỔ SUNG TRONG LĨNH VỰC DU LỊCH  
THUỘC THẨM QUYỀN QUẢN LÝ VÀ GIẢI QUYẾT  
CỦA SỞ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng 4 năm 2022  
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh)*

**Phần I  
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH SỬA ĐỔI,  
BỔ SUNG LĨNH VỰC DU LỊCH**

<b>STT</b>	<b>Mã số TTHC</b>	<b>Tên thủ tục hành chính</b>	<b>Mức DVC</b>	<b>Trang</b>
1	2.001628. 000.00.00.H10	Cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa	4	4
2	2.001616. 000.00.00.H10	Cấp lại giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa	4	9
3	2.001622 000.00.00.H10	Cấp đổi giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa	4	13
4	1.001440. 000.00.00.H10	Cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch tại điểm	4	17
5	1.004628. 000.00.00.H10	Cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch quốc tế	4	20
6	1.004623. 000.00.00.H10	Cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch nội địa	4	24
7	1.001432. 000.00.00.H10	Cấp đổi thẻ hướng dẫn viên du lịch quốc tế, thẻ hướng dẫn viên du lịch nội địa	4	27
8	1.004614. 000.00.00.H10	Cấp lại thẻ hướng dẫn viên du lịch	4	31

**Phần II****NỘI DUNG CỤ THỂ CỦA TỪNG THỦ TỤC HÀNH CHÍNH SỬA ĐỔI,  
BỔ SUNG TRONG LĨNH VỰC DU LỊCH THUỘC THẨM QUYỀN  
QUẢN LÝ VÀ GIẢI QUYẾT CỦA SỞ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH****1. Cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa. Mã số TTHC:  
2.001628.****a) Trình tự thực hiện**

- Bước 1. Doanh nghiệp lập hồ sơ trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc nộp trực tiếp cho Bộ phận tiếp nhận của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, địa chỉ: số 727, QL 14, phường Tân Bình, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước.

- Bước 2. Cán bộ tiếp nhận kiểm tra tính hợp lệ, đầy đủ của hồ sơ:

+ Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ thì hướng dẫn cụ thể để hoàn thiện hồ sơ.

+ Hồ sơ đầy đủ thì viết Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả sau đó (trong thời hạn 0,5 ngày) chuyển đến Phòng chuyên môn của Sở để giải quyết.

- Bước 3. Phòng chuyên môn phụ trách lĩnh vực có trách nhiệm phối hợp các đơn vị có liên quan thẩm định, trình lãnh đạo Sở xem xét, quyết định (trong thời hạn 5,5 ngày).

- Bước 4. Tổ chức nhận kết quả trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc tại bộ phận trả kết quả của Trung tâm Phục vụ hành chính công theo hình thức đã đăng ký.

**b) Cách thức thực hiện**

- Thực hiện trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công;

- Hoặc gửi qua dịch vụ Bưu chính công ích;

- Hoặc nộp trực tiếp.

**c) Thành phần, số lượng hồ sơ****- Thành phần hồ sơ**

+ Đơn đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa (Mẫu số 04 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15/12/2017);

+ Giấy chứng nhận ký quỹ kinh doanh dịch vụ lữ hành;

+ Bản scan hoặc bản chụp từ bản chính (đối với trường hợp nộp trực tuyến), bản sao (đối với trường hợp nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ Bưu chính công ích) có chứng thực các giấy tờ sau:

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;

Quyết định bổ nhiệm hoặc hợp đồng lao động giữa doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành với người phụ trách kinh doanh dịch vụ lữ hành;

Bằng tốt nghiệp trung cấp trở lên chuyên ngành về lữ hành của người phụ trách kinh doanh dịch vụ lữ hành; hoặc bằng tốt nghiệp trung cấp trở lên chuyên ngành khác và chứng chỉ nghiệp vụ điều hành du lịch nội địa. Văn bằng do cơ sở đào tạo nước ngoài cấp phải được công nhận theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

- **Số lượng hồ sơ:** 01 bộ.

**d) Thời hạn giải quyết:** 06 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

**đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức.

**e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính**

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

**g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa.

**h) Phí, lệ phí:** 1.500.000 đồng/giấy phép (Thông tư số 120/2021/TT-BTC ngày 24 tháng 12 năm 2021 có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2022 đến hết ngày 30/6/2022). \*

**i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Đơn đề nghị cấp Giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa (Mẫu số 04 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15 tháng 12 năm 2017).

**k) Yêu cầu, điều kiện thủ tục hành chính**

- Là doanh nghiệp được thành lập theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp;

- Ký quỹ kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa tại ngân hàng thương mại, ngân hàng hợp tác xã hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài thành lập và hoạt động tại Việt Nam: 20.000.000 (Hai mươi triệu) đồng;

- Người phụ trách kinh doanh dịch vụ lữ hành phải tốt nghiệp trung cấp trở lên chuyên ngành về lữ hành; trường hợp tốt nghiệp trung cấp trở lên chuyên ngành khác phải có chứng chỉ nghiệp vụ điều hành du lịch nội địa.

- Người phụ trách kinh doanh dịch vụ lữ hành là người giữ một trong các chức danh sau: chủ tịch hội đồng quản trị; chủ tịch hội đồng thành viên; chủ tịch công ty; chủ doanh nghiệp tư nhân; tổng giám đốc; giám đốc hoặc phó giám đốc; trưởng bộ phận kinh doanh dịch vụ lữ hành.

- Chuyên ngành về lữ hành bao gồm một trong các chuyên ngành sau:

+ Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành;

+ Quản trị lữ hành;

- + Điều hành tour du lịch;
- + Marketing du lịch;
- + Du lịch;
- + Du lịch lữ hành;
- + Quản lý và kinh doanh du lịch.
- + Quản trị du lịch MICE;
- + Đại lý lữ hành;
- + Hướng dẫn du lịch;

+ Ngành, nghề, chuyên ngành có thể hiện một trong các cụm từ “du lịch”, “lữ hành”, “hướng dẫn du lịch” do cơ sở giáo dục ở Việt Nam đào tạo và cấp bằng tốt nghiệp trước thời điểm Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL có hiệu (ngày 01/02/2018) ;

+ Ngành, nghề, chuyên ngành có thể hiện một trong các cụm từ “du lịch”, “lữ hành”, “hướng dẫn du lịch” do cơ sở đào tạo nước ngoài đào tạo và cấp bằng tốt nghiệp.

Trường hợp bằng tốt nghiệp không thể hiện các ngành, nghề, chuyên ngành quy định tại dấu cộng thứ 10 và 11 khoản này thì bổ sung bằng điểm tốt nghiệp hoặc phụ lục văn bằng thể hiện ngành, nghề, chuyên ngành, trong đó có một trong các cụm từ “du lịch”, “lữ hành”, “hướng dẫn du lịch”.”

#### **l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính**

- Luật Du lịch số 09/2017/QH14 ngày 19 tháng 6 năm 2017. Có hiệu lực từ ngày 01/01/2018.

- Nghị định số 168/2017/NĐ-CP ngày 31/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Du lịch. Có hiệu lực từ ngày 01/01/2018.

- Nghị định 94/2021/NĐ-CP ngày 28/10/2021 sửa đổi bổ sung Điều 14 của Nghị định 168/2017/NĐ ngày 31/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Du lịch về mức ký quỹ kinh doanh dịch vụ lữ hành có hiệu lực từ ngày 28/10/2021 đến hết ngày 31/12/2023.

- Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết một số điều của Luật Du lịch. Có hiệu lực từ ngày 01/2/2018.

- Thông tư số 33/2018/TT-BTC ngày 30 tháng 3 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý phí thẩm định cấp Giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành quốc tế, Giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa; phí thẩm định cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch; lệ phí cấp Giấy phép thành lập văn phòng đại diện tại Việt Nam của doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành nước ngoài. Có hiệu lực từ ngày 14 tháng 5 năm 2018.

- Thông tư số 13/2019/TT-BVHTTDL ngày 25/11/2019 sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết một số điều của Luật Du lịch. Có hiệu lực từ ngày 20/1/2020.

- Thông tư số 120/2021/TT-BTC ngày 24/12/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu một số khoản phí, lệ phí nhằm hỗ trợ, tháo gỡ khó khăn cho đối tượng chịu ảnh hưởng của dịch Covid-19. Có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2022 đến hết ngày 30/6/2022. \*

**Mẫu đơn, tờ khai đính kèm**

---

**TÊN DOANH NGHIỆP**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày....tháng.....năm.....

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ**  
**CẤP GIẤY PHÉP KINH DOANH DỊCH VỤ LỮ HÀNH NỘI ĐỊA**

Kính gửi: Sở Du lịch/Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh/thành phố...

1. Tên doanh nghiệp (*chữ in hoa*):.....

Tên giao dịch:.....

Tên viết tắt:.....

2. Địa chỉ trụ sở chính :.....

Điện thoại :..... - Fax :.....

Website :..... - Email :.....

3. Họ tên người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp:.....

..... Giới tính :.....

Chức danh:.....

Sinh ngày :...../...../.....Dân tộc :..... Quốc tịch :.....

Giấy Chứng minh nhân dân/Thẻ căn cước công dân /Hộ chiếu số:.....cấp ngày: ...../...../.....Nơi cấp : .....

Email: ..... Điện thoại: .....

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú :.....

Chỗ ở hiện tại :.....

4. Tên, địa chỉ chi nhánh (*nếu có*): .....

5. Tên, địa chỉ văn phòng đại diện (*nếu có*):.....

.....

6. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư

số.....cấp ngày .../.../... Nơi cấp: .....

7. Tài khoản ký quỹ số.....tại ngân hàng.....

Căn cứ vào các quy định hiện hành, kính đề nghị Sở Du lịch/Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh/thành phố... cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa cho doanh nghiệp.

Chúng tôi cam kết chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của nội dung hồ sơ đề nghị cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành.

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT**  
**CỦA DOANH NGHIỆP**

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

## **2. Cấp lại giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa. Mã số TTHC: 2.001616.**

### **a) Trình tự thực hiện**

- Bước 1. Doanh nghiệp đề nghị cấp lại Giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa (bị mất hoặc bị hư hỏng) lập hồ sơ trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc nộp trực tiếp cho Bộ phận tiếp nhận của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, địa chỉ: số 727, QL 14, phường Tân Bình, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước.

- Bước 2. Cán bộ tiếp nhận kiểm tra tính hợp lệ, đầy đủ của hồ sơ:

+ Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ thì hướng dẫn cụ thể để hoàn thiện hồ sơ.

+ Hồ sơ đầy đủ thì viết Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả sau đó (trong thời hạn 0,5 ngày) chuyển đến Phòng chuyên môn của Sở để giải quyết.

- Bước 3. Phòng chuyên môn phụ trách lĩnh vực có trách nhiệm phối hợp các đơn vị có liên quan thẩm định, trình lãnh đạo Sở xem xét, quyết định (trong thời hạn 03 ngày).

- Bước 4. Tổ chức nhận kết quả trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc tại bộ phận trả kết quả của Trung tâm Phục vụ hành chính công theo hình thức đã đăng ký.

### **b) Cách thức thực hiện**

- Thực hiện trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công;

- Hoặc gửi qua dịch vụ Bưu chính công ích;

- Hoặc nộp trực tiếp.

### **c) Thành phần, số lượng hồ sơ**

- **Thành phần hồ sơ**

Đơn đề nghị cấp lại Giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa (Mẫu số 05 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15 tháng 12 năm 2017).

- **Số lượng hồ sơ:** 01 bộ.

**d) Thời hạn giải quyết:** 3,5 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đơn đề nghị.

**đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức.

### **e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính**

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

**g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Giấy phép.

**h) Phí, lệ phí:** 750.000 đồng/giấy phép (Thông tư số 120/2021/TT-BTC ngày 24 tháng 12 năm 2021 có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2022 đến hết ngày 30/6/2022). \*

**i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Đơn đề nghị cấp lại Giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa (Mẫu số 05 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15 tháng 12 năm 2017).

**k) Yêu cầu, điều kiện thủ tục hành chính**

- Là doanh nghiệp được thành lập theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp;

- Ký quỹ kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa tại ngân hàng thương mại, ngân hàng hợp tác xã hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài thành lập và hoạt động tại Việt Nam: 20.000.000 (hai mươi triệu) đồng;

- Người phụ trách kinh doanh dịch vụ lữ hành phải tốt nghiệp trung cấp trở lên chuyên ngành về lữ hành; trường hợp tốt nghiệp trung cấp trở lên chuyên ngành khác phải có chứng chỉ nghiệp vụ điều hành du lịch nội địa.

+ Người phụ trách kinh doanh dịch vụ lữ hành là người giữ một trong các chức danh sau: chủ tịch hội đồng quản trị; chủ tịch hội đồng thành viên; chủ tịch công ty; chủ doanh nghiệp tư nhân; tổng giám đốc; giám đốc hoặc phó giám đốc; trưởng bộ phận kinh doanh dịch vụ lữ hành.

+ Chuyên ngành về lữ hành bao gồm một trong các chuyên ngành sau:

Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành;

Quản trị lữ hành;

Điều hành tour du lịch;

Marketing du lịch;

Du lịch;

Du lịch lữ hành;

Quản lý và kinh doanh du lịch.

+ Quản trị du lịch MICE;

+ Đại lý lữ hành;

+ Hướng dẫn du lịch;

+ Ngành nghề, chuyên ngành có thể hiện một trong các cụm từ “du lịch”, “lữ hành”, “hướng dẫn du lịch” do cơ sở giáo dục ở Việt Nam đào tạo và cấp bằng tốt nghiệp trước thời điểm Thông tư 06/2017/TT-BVHTTDL có hiệu lực từ ngày 01 tháng 02 năm 2018.

+ Ngành, nghề, chuyên ngành có thể hiện một trong các cụm từ “du lịch”, “lữ hành”, “hướng dẫn du lịch” do cơ sở đào tạo nước ngoài đào tạo và cấp bằng tốt nghiệp.

Trường hợp bằng tốt nghiệp không thể hiện các ngành, nghề, chuyên ngành quy định tại dấu cộng thứ 10, 11 khoản này thì bổ sung bằng điểm tốt nghiệp hoặc phụ lục văn bằng thể hiện ngành, nghề, chuyên ngành, trong đó có một trong các cụm từ “du lịch”, “lữ hành”, “hướng dẫn du lịch”.

#### **l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính**

- Luật Du lịch số 09/2017/QH14 ngày 19 tháng 6 năm 2017. Có hiệu lực từ ngày 01/01/2018.

- Nghị định số 168/2017/NĐ-CP ngày 31/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Du lịch. Có hiệu lực từ ngày 01/01/2018.

- Nghị định 94/2021/NĐ-CP ngày 28/10/2021 sửa đổi bổ sung Điều 14 của Nghị định 168/2017/NĐ ngày 31/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Du lịch về mức ký quỹ kinh doanh dịch vụ lữ hành có hiệu lực từ ngày 28/10/2021 đến hết ngày 31/12/2023.

- Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết một số điều của Luật Du lịch. Có hiệu lực từ ngày 01/2/2018.

- Thông tư số 33/2018/TT-BTC ngày 30 tháng 3 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý phí thẩm định cấp Giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành quốc tế, Giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa; phí thẩm định cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch; lệ phí cấp Giấy phép thành lập văn phòng đại diện tại Việt Nam của doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành nước ngoài. Có hiệu lực từ ngày 14 tháng 5 năm 2018.

- Thông tư số 13/2019/TT-BVHTTDL ngày 25/11/2019 sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết một số điều của Luật Du lịch. Có hiệu lực từ ngày 20/1/2020.

- *Thông tư số 120/2021/TT-BTC ngày 24/12/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu một số khoản phí, lệ phí nhằm hỗ trợ, tháo gỡ khó khăn cho đối tượng chịu ảnh hưởng của dịch Covid-19. Có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2022 đến hết ngày 30/6/2022. \**

***Mẫu đơn, tờ khai đính kèm.***

---

**TÊN DOANH NGHIỆP****CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày....tháng.....năm.....

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ**  
**CẤP LẠI GIẤY PHÉP KINH DOANH DỊCH VỤ LỮ HÀNH NỘI ĐỊA**

Kính gửi: Sở Du lịch/Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh/thành phố...

1. Tên doanh nghiệp (*chữ in hoa*):.....  
 Tên giao dịch:.....  
 Tên viết tắt:.....
2. Địa chỉ trụ sở chính :.....  
 Điện thoại :.....- Fax :.....  
 Website :.....- Email :.....
3. Họ tên người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp:.....  
 ..... Giới tính :.....  
 Chức danh:.....  
 Sinh ngày :...../...../....Dân tộc :..... Quốc tịch :.....  
 Giấy Chứng minh nhân dân/Thẻ căn cước công dân /Hộ chiếu số:.....  
 cấp ngày: ...../...../.....Nơi cấp : .....
- Email: ..... Điện thoại: .....
- Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú :.....  
 Chỗ ở hiện tại :.....
4. Tên, địa chỉ chi nhánh (*nếu có*):.....
5. Tên, địa chỉ văn phòng đại diện (*nếu có*):.....
6. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số.....cấp ngày .../.../.... nơi cấp: .....
7. Giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa số ..... do Sở Du lịch/Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh/thành phố.....cấp ngày..... tháng ..... năm.....
8. Tài khoản ký quỹ số.....tại ngân hàng.....
9. Lý do đề nghị cấp lại giấy phép:.....
- Căn cứ vào các quy định hiện hành, kính đề nghị Sở Du lịch/Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch cấp lại giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa cho doanh nghiệp.
- Chúng tôi cam kết chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của nội dung hồ sơ đề nghị cấp lại giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành./.

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT**  
**CỦA DOANH NGHIỆP***(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)*

### **3. Cấp đổi giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa. Mã số TTHC: 2.001622.**

#### **a) Trình tự thực hiện**

- Bước 1. Doanh nghiệp đề nghị cấp đổi Giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa lập hồ sơ trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc nộp trực tiếp cho Bộ phận tiếp nhận của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, địa chỉ: số 727, QL 14, phường Tân Bình, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước.

- Bước 2. Cán bộ tiếp nhận kiểm tra tính hợp lệ, đầy đủ của hồ sơ:

+ Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ thì hướng dẫn cụ thể để hoàn thiện hồ sơ.

+ Hồ sơ đầy đủ thì viết Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả sau đó (trong thời hạn 0,5 ngày) chuyển đến Phòng chuyên môn của Sở để giải quyết.

- Bước 3. Phòng chuyên môn phụ trách lĩnh vực có trách nhiệm phối hợp các đơn vị có liên quan thẩm định, trình lãnh đạo Sở xem xét, quyết định (trong thời hạn 03 ngày).

- Bước 4. Tổ chức nhận kết quả trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc tại bộ phận trả kết quả của Trung tâm Phục vụ hành chính công theo hình thức đã đăng ký.

#### **b) Cách thức thực hiện**

- Thực hiện trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công;

- Hoặc gửi qua dịch vụ Bưu chính công ích;

- Hoặc nộp trực tiếp.

#### **c) Thành phần, số lượng hồ sơ**

##### **- Thành phần hồ sơ**

+ Đơn đề nghị cấp đổi Giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa (Mẫu số 05 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15 tháng 12 năm 2017);

+ Giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa của doanh nghiệp;

+ Bản scan hoặc bản chụp từ bản chính (đối với trường hợp nộp trực tuyến), bản sao (đối với trường hợp nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ Bưu chính công ích) có chứng thực Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

- **Số lượng hồ sơ:** 01 bộ.

**d) Thời hạn giải quyết:** 3,5 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

**đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức.

**e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính**

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch.
- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

**g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Giấy phép.**

**h) Phí, lệ phí:** 1.000.000 đồng/giấy phép (Thông tư số 120/2021/TT-BTC ngày 24 tháng 12 năm 2021 có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2022 đến hết ngày 30/6/2022). \*

**i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai**

Đơn đề nghị cấp đổi Giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa (Mẫu số 05 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15 tháng 12 năm 2017).

**k) Yêu cầu, điều kiện thủ tục hành chính**

- Là doanh nghiệp được thành lập theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp;
- Ký quỹ kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa tại ngân hàng thương mại, ngân hàng hợp tác xã hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài thành lập và hoạt động tại Việt Nam: 20.000.000 (một trăm triệu) đồng;

- Người phụ trách kinh doanh dịch vụ lữ hành phải tốt nghiệp trung cấp trở lên chuyên ngành về lữ hành; trường hợp tốt nghiệp trung cấp trở lên chuyên ngành khác phải có chứng chỉ nghiệp vụ điều hành du lịch nội địa.

+ Người phụ trách kinh doanh dịch vụ lữ hành là người giữ một trong các chức danh sau: chủ tịch hội đồng quản trị; chủ tịch hội đồng thành viên; chủ tịch công ty; chủ doanh nghiệp tư nhân; tổng giám đốc; giám đốc hoặc phó giám đốc; trưởng bộ phận kinh doanh dịch vụ lữ hành.

+ Chuyên ngành về lữ hành bao gồm một trong các chuyên ngành sau:

- + Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành;
- + Quản trị lữ hành;
- + Điều hành tour du lịch;
- + Marketing du lịch;
- + Du lịch;
- + Du lịch lữ hành;
- + Quản lý và kinh doanh du lịch.
- + Quản trị du lịch MICE;
- + Đại lý lữ hành;
- + Hướng dẫn du lịch;

+ Ngành, nghề, chuyên ngành có thể hiện một trong các cụm từ “du lịch”, “lữ hành”, “hướng dẫn du lịch” do cơ sở giáo dục ở Việt Nam đào tạo và cấp bằng tốt nghiệp trước thời điểm Thông tư 06/2017/TT-BVHTTDL này có hiệu lực (01/02/2018)

+ Ngành, nghề, chuyên ngành có thể hiện một trong các cụm từ “du lịch”, “lữ hành”, “hướng dẫn du lịch” do cơ sở đào tạo nước ngoài đào tạo và cấp bằng tốt nghiệp.

Trường hợp bằng tốt nghiệp không thể hiện các ngành, nghề, chuyên ngành quy định tại dấu cộng thứ 10, 11 khoản này thì bổ sung bằng điểm tốt nghiệp hoặc phụ lục văn bằng thể hiện ngành, nghề, chuyên ngành, trong đó có một trong các cụm từ “du lịch”, “lữ hành”, “hướng dẫn du lịch”.

### **l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính**

- Luật Du lịch số 09/2017/QH14 ngày 19 tháng 6 năm 2017. Có hiệu lực từ ngày 01/01/2018.

- Nghị định số 168/2017/NĐ-CP ngày 31/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Du lịch. Có hiệu lực từ ngày 01/01/2018.

- Nghị định số 94/2021/NĐ-CP ngày 28 tháng 10 năm 2021 sửa đổi, bổ sung Điều 14 của Nghị định số 168/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Du lịch về mức ký quỹ kinh doanh dịch vụ lữ hành. Có hiệu lực từ ngày 28 tháng 10 năm 2021 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2023

- Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết một số điều của Luật Du lịch. Có hiệu lực từ ngày 01/2/2018.

- Thông tư số 33/2018/TT-BTC ngày 30 tháng 3 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý phí thẩm định cấp Giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành quốc tế, Giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa; phí thẩm định cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch; lệ phí cấp Giấy phép thành lập văn phòng đại diện tại Việt Nam của doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành nước ngoài. Có hiệu lực từ ngày 14 tháng 5 năm 2018.

- Thông tư số 13/2019/TT-BVHTTDL ngày 25/11/2019 sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết một số điều của Luật Du lịch. Có hiệu lực từ ngày 20/1/2020.

- *Thông tư số 120/2021/TT-BTC ngày 24/12/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu một số khoản phí, lệ phí nhằm hỗ trợ, tháo gỡ khó khăn cho đối tượng chịu ảnh hưởng của dịch Covid-19. Có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2022 đến hết ngày 30/6/2022. \**

**Mẫu đơn, tờ khai đính kèm.**

---

**TÊN DOANH NGHIỆP**      **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày...tháng.....năm.....

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ**  
**CẤP ĐỔI GIẤY PHÉP KINH DOANH DỊCH VỤ LỮ HÀNH NỘI ĐỊA**

Kính gửi: Sở Du lịch/Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh/thành phố...

1. Tên doanh nghiệp (*chữ in hoa*):.....  
 Tên giao dịch:.....  
 Tên viết tắt:.....
  2. Địa chỉ trụ sở chính :.....  
 Điện thoại :.....- Fax :.....  
 Website :..... - Email :.....
  3. Họ tên người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp:.....  
 ..... Giới tính :.....  
 Chức danh:.....  
 Sinh ngày :...../...../....Dân tộc :..... Quốc tịch :.....  
 Giấy Chứng minh nhân dân/Thẻ căn cước công dân /Hộ chiếu  
 số:.....cấp ngày: ...../...../.....Nơi cấp : .....
  - Email: ..... Điện thoại: .....
  - Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú :.....  
 Chỗ ở hiện tại :.....
  4. Tên, địa chỉ chi nhánh (*nếu có*):.....
  5. Tên, địa chỉ văn phòng đại diện (*nếu có*):.....
  6. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư  
 số.....cấp ngày .../.../.... nơi cấp: .....
  7. Giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa số ..... do Sở  
 Du lịch/Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh/thành phố..... cấp  
 ngày.....tháng.....năm.....
  8. Tài khoản ký quỹ số.....tại ngân hàng.....
  9. Lý do đề nghị cấp đổi giấy phép:.....  
 Căn cứ vào các quy định hiện hành, kính đề nghị Sở Du lịch/Sở Văn hóa,  
 Thể thao và Du lịch cấp đổi giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa cho  
 doanh nghiệp.
- Chúng tôi cam kết chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của nội  
 dung hồ sơ đề nghị cấp đổi giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành./.

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT**  
**CỦA DOANH NGHIỆP**

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

#### **4. Cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch tại điểm. Mã số TTHC: 1.001440.**

##### **a) Trình tự thực hiện**

- Bước 1. Người đề nghị cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch tại điểm lập hồ sơ trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc nộp trực tiếp cho Bộ phận tiếp nhận của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, địa chỉ: số 727, QL 14, phường Tân Bình, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước.

- Bước 2. Cán bộ tiếp nhận kiểm tra tính hợp lệ, đầy đủ của hồ sơ:

+ Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ thì hướng dẫn cụ thể để hoàn thiện hồ sơ.

+ Hồ sơ đầy đủ thì viết Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả sau đó (trong thời hạn 0,5 ngày) chuyển đến Phòng chuyên môn của Sở để giải quyết.

- Bước 3. Phòng chuyên môn phụ trách lĩnh vực có trách nhiệm phối hợp các đơn vị có liên quan thẩm định, trình lãnh đạo Sở xem xét, quyết định (trong thời hạn 5,5 ngày).

- Bước 4. Cá nhân nhận kết quả trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc tại bộ phận trả kết quả của Trung tâm Phục vụ hành chính công theo hình thức đã đăng ký.

##### **b) Cách thức thực hiện**

- Thực hiện trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công;

- Hoặc gửi qua dịch vụ Bưu chính công ích;

- Hoặc nộp trực tiếp.

##### **c) Thành phần, số lượng hồ sơ**

###### **- Thành phần hồ sơ**

+ Đơn đề nghị cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch tại điểm (Mẫu số 11 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15 tháng 12 năm 2017, được thay thế bằng Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 13/2019/TT-BVHTTDL ngày 25/11/2019);

+ Sơ yếu lý lịch có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi cư trú;

+ Giấy chứng nhận sức khỏe do cơ sở khám bệnh, chữa bệnh có thẩm quyền cấp trong thời hạn không quá 06 tháng tính đến thời điểm nộp hồ sơ;

+ 02 ảnh chân dung màu cỡ 3 cm x 4 cm.

- **Số lượng hồ sơ:** 01 bộ.

**d) Thời hạn giải quyết:** 06 ngày kể từ ngày có kết quả kiểm tra.

**đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Cá nhân.

##### **e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính**

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

**g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Thẻ hướng dẫn viên du lịch tại điểm.

**h) Phí, lệ phí:** 100.000 đồng/thẻ (Thông tư số 120/2021/TT-BTC ngày 24 tháng 12 năm 2021 có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2022 đến hết ngày 30/6/2022). \*

**i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Đơn đề nghị cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch tại điểm (Mẫu số 11 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15 tháng 12 năm 2017, được thay thế bằng Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 13/2019/TT-BVHTTDL ngày 25/11/2019).

**k) Yêu cầu, điều kiện thủ tục hành chính**

- Có quốc tịch Việt Nam, thường trú tại Việt Nam;
- Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ;
- Không mắc bệnh truyền nhiễm, không sử dụng chất ma túy;
- Đạt yêu cầu kiểm tra nghiệp vụ hướng dẫn du lịch tại điểm do Sở Du lịch/Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tổ chức.

**l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính**

- Luật Du lịch số 09/2017/QH14 ngày 19 tháng 6 năm 2017. Có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2018.

- Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết một số điều của Luật Du lịch. Có hiệu lực từ ngày 01 tháng 02 năm 2018.

- Thông tư số 33/2018/TT-BTC ngày 30 tháng 3 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý phí thẩm định cấp Giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành quốc tế, Giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa; phí thẩm định cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch; lệ phí cấp Giấy phép thành lập văn phòng đại diện tại Việt Nam của doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành nước ngoài. Có hiệu lực từ ngày 14 tháng 5 năm 2018.

- Thông tư số 13/2019/TT-BVHTTDL ngày 25/11/2019 sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết một số điều của Luật Du lịch. Có hiệu lực từ ngày 20/1/2020.

- Thông tư số 120/2021/TT-BTC ngày 24/12/2021 của Bộ Tài chính quy định mức thu một số khoản phí, lệ phí nhằm hỗ trợ, tháo gỡ khó khăn cho đối tượng chịu ảnh hưởng của dịch Covid-19. Có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2022 đến hết ngày 30/6/2022. \*

**Mẫu đơn, tờ khai đính kèm.**

---

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày....tháng ... năm .....

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ**  
**Cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch tại điểm**

Kính gửi: Sở Du lịch/Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh/thành phố.....

- Họ và tên (*chữ in hoa*): .....
- Ngày sinh: ...../...../..... - Giới tính:  Nam  Nữ
- Dân tộc: ..... - Tôn giáo: .....
- Giấy Chứng minh nhân dân/*Thẻ căn cước công dân*/Hộ chiếu số : .....
- Nơi cấp:..... - Ngày cấp: .....
- Hộ khẩu thường trú:.....
- Trình độ chuyên môn nghiệp vụ:.....
- Địa chỉ liên lạc: .....
- Điện thoại: ..... - Email:.....

Căn cứ vào các quy định hiện hành, kính đề nghị Sở Du lịch/Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh/thành phố..... thẩm định và cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch tại điểm cho tôi.

Tôi cam kết chịu trách nhiệm hoàn toàn về tính chính xác, trung thực của nội dung hồ sơ đề nghị cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch./.

**NGƯỜI ĐỀ NGHỊ CẤP THẺ**  
*(Ký và ghi rõ họ tên)*

## **5. Cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch quốc tế. Mã số TTHC: 1.004628.**

### **a) Trình tự thực hiện**

- Bước 1. Người đề nghị cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch quốc tế lập hồ sơ trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc nộp trực tiếp cho Bộ phận tiếp nhận của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, địa chỉ: số 727, QL 14, phường Tân Bình, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước.

- Bước 2. Cán bộ tiếp nhận kiểm tra tính hợp lệ, đầy đủ của hồ sơ:

+ Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ thì hướng dẫn cụ thể để hoàn thiện hồ sơ.

+ Hồ sơ đầy đủ thì viết Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả sau đó (trong thời hạn 0,5 ngày) chuyển đến Phòng chuyên môn của Sở để giải quyết.

- Bước 3. Phòng chuyên môn phụ trách lĩnh vực có trách nhiệm phối hợp các đơn vị có liên quan thẩm định, trình lãnh đạo Sở xem xét, quyết định (trong thời hạn 9,5 ngày).

- Bước 4. Cá nhân nhận kết quả trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc tại bộ phận trả kết quả của Trung tâm Phục vụ hành chính công theo hình thức đã đăng ký.

### **b) Cách thức thực hiện**

- Thực hiện trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công;

- Hoặc gửi qua dịch vụ Bưu chính công ích;

- Hoặc nộp trực tiếp.

### **c) Thành phần, số lượng hồ sơ**

#### **- Thành phần hồ sơ**

+ Đơn đề nghị cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch quốc tế (Mẫu số 11 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15 tháng 12 năm 2017, được thay thế bằng Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 13/2019/TT-BVHTTDL ngày 25/11/2019);

+ Sơ yếu lý lịch có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi cư trú;

+ Giấy chứng nhận sức khỏe do cơ sở khám bệnh, chữa bệnh có thẩm quyền cấp trong thời hạn không quá 06 tháng tính đến thời điểm nộp hồ sơ;

+ Giấy tờ chứng minh điều kiện về trình độ nghiệp vụ:

Bản scan hoặc bản chụp từ bản chính (đối với trường hợp nộp trực tuyến), bản sao (đối với trường hợp nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ Bưu chính công ích) một trong các giấy tờ sau: bằng tốt nghiệp cao đẳng trở lên chuyên ngành hướng dẫn du lịch hoặc bằng tốt nghiệp cao đẳng trở lên chuyên ngành khác và chứng chỉ nghiệp vụ hướng dẫn du lịch quốc tế;

+ Giấy tờ chứng minh điều kiện về trình độ ngoại ngữ:

Bản scan hoặc bản chụp từ bản chính (đối với trường hợp nộp trực tuyến), bản sao (đối với trường hợp nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ Bru chính công ích) một trong các giấy tờ sau:

Bằng tốt nghiệp cao đẳng trở lên chuyên ngành ngoại ngữ;

Bằng tốt nghiệp cao đẳng trở lên theo chương trình đào tạo bằng tiếng nước ngoài;

Bằng tốt nghiệp cao đẳng trở lên ở nước ngoài theo chương trình đào tạo bằng ngôn ngữ chính thức của nước sở tại. Trường hợp được đào tạo bằng ngôn ngữ khác với ngôn ngữ chính thức của nước sở tại, cần bổ sung giấy tờ chứng minh ngôn ngữ được sử dụng để đào tạo;

Chứng chỉ ngoại ngữ bậc 4 trở lên Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc có chứng chỉ ngoại ngữ đạt mức yêu cầu theo quy định tại Phụ lục I Thông tư 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15/12/2017 (được thay thế bằng Phụ lục I Thông tư số 13/2019/TT-BVHTTDL ngày 25/11/2019) còn thời hạn, do tổ chức, cơ quan có thẩm quyền cấp.

Văn bằng, chứng chỉ, giấy chứng nhận do cơ sở đào tạo nước ngoài cấp phải được công nhận theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.

+ 02 ảnh chân dung màu cỡ 3 cm x 4 cm.

- **Số lượng hồ sơ:** 01 bộ.

**d) Thời hạn giải quyết:** 10 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

**đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Cá nhân.

**e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính**

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

**g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Thẻ hướng dẫn viên du lịch quốc tế.

**h) Phí, lệ phí:** 325.000 đồng/thẻ Thông tư số 120/2021/TT-BTC ngày 24 tháng 12 năm 2021 có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2022 đến hết ngày 30/6/2022).\*

**i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Đơn đề nghị cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch quốc tế (Mẫu số 11 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15 tháng 12 năm 2017, được thay thế bằng Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 13/2019/TT-BVHTTDL ngày 25/11/2019).

**k) Yêu cầu, điều kiện thủ tục hành chính**

- Có quốc tịch Việt Nam, thường trú tại Việt Nam;

- Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ;

- Không mắc bệnh truyền nhiễm, không sử dụng chất ma túy;

- Tốt nghiệp cao đẳng trở lên chuyên ngành hướng dẫn du lịch; trường hợp tốt nghiệp cao đẳng trở lên chuyên ngành khác phải có chứng chỉ nghiệp vụ hướng dẫn du lịch quốc tế;

- Sử dụng thành thạo ngoại ngữ đăng ký hành nghề: đáp ứng một trong các tiêu chuẩn sau:

+ Có bằng tốt nghiệp cao đẳng trở lên chuyên ngành ngoại ngữ;

+ Có bằng tốt nghiệp cao đẳng trở lên theo chương trình đào tạo bằng tiếng nước ngoài\* ;

+ Có bằng tốt nghiệp cao đẳng trở lên ở nước ngoài;

+ Có bằng tốt nghiệp cao đẳng trở lên ở nước ngoài theo chương trình đào tạo bằng ngôn ngữ chính thức của nước sở tại. Trường hợp được đào tạo bằng ngôn ngữ khác với ngôn ngữ chính thức của nước sở tại, cần bổ sung giấy tờ chứng minh ngôn ngữ được sử dụng để đào tạo;

+ Có chứng chỉ ngoại ngữ bậc 4 trở lên Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc có chứng chỉ ngoại ngữ đạt mức yêu cầu theo quy định tại Phụ lục I Thông tư 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15/12/2017 (được thay thế bằng Phụ lục I Thông tư số 13/2019/TT-BVHTTDL ngày 25/11/2019) còn thời hạn, do tổ chức, cơ quan có thẩm quyền cấp.

### **l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính**

- Luật Du lịch số 09/2017/QH14 ngày 19/6/2017. Có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2018.

- Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết một số điều của Luật Du lịch. Có hiệu lực từ ngày 01/02/2018.

- Thông tư số 33/2018/TT-BTC ngày 30 tháng 3 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý phí thẩm định cấp Giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành quốc tế, Giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa; phí thẩm định cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch; lệ phí cấp Giấy phép thành lập văn phòng đại diện tại Việt Nam của doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành nước ngoài. Có hiệu lực từ ngày 14 tháng 5 năm 2018.

- Thông tư số 13/2019/TT-BVHTTDL ngày 25/11/2019 sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết một số điều của Luật Du lịch. Có hiệu lực từ ngày 20/1/2020.

- *Thông tư số 120/2021/TT-BTC ngày 24/12/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu một số khoản phí, lệ phí nhằm hỗ trợ, tháo gỡ khó khăn cho đối tượng chịu ảnh hưởng của dịch Covid-19. Có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2022 đến hết ngày 30/6/2022. \**

***Mẫu đơn, tờ khai đính kèm.***

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày...tháng ... năm .....

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ**  
**Cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch quốc tế**

Kính gửi: Sở Du lịch/Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh/thành phố.....

- Họ và tên (*chữ in hoa*): .....
- Ngày sinh: ...../...../..... - Giới tính:  Nam  Nữ
- Dân tộc: ..... - Tôn giáo: .....
- Giấy Chứng minh nhân dân/*Thẻ căn cước công dân*/Hộ chiếu số : .....
- Nơi cấp:..... - Ngày cấp: .....
- Hộ khẩu thường trú:.....
- Trình độ chuyên môn nghiệp vụ:.....
- Trình độ ngoại ngữ (*đối với người đề nghị cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch quốc tế*): .....
- Địa chỉ liên lạc: .....
- Điện thoại: ..... - Email:.....

Căn cứ vào các quy định hiện hành, kính đề nghị Sở Du lịch/Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh/thành phố..... thẩm định và cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch quốc tế cho tôi.

Tôi cam kết chịu trách nhiệm hoàn toàn về tính chính xác, trung thực của nội dung hồ sơ đề nghị cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch./.

**NGƯỜI ĐỀ NGHỊ CẤP THẺ**  
(Ký và ghi rõ họ tên)

## **6. Cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch nội địa. Mã số TTHC: 1.004623.**

### **a) Trình tự thực hiện**

- Bước 1. Người đề nghị cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch nội địa lập hồ sơ trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc nộp trực tiếp cho Bộ phận tiếp nhận của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, địa chỉ: số 727, QL 14, phường Tân Bình, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước.

- Bước 2. Cán bộ tiếp nhận kiểm tra tính hợp lệ, đầy đủ của hồ sơ:

+ Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ thì hướng dẫn cụ thể để hoàn thiện hồ sơ.

+ Hồ sơ đầy đủ thì viết Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả sau đó (trong thời hạn 0,5 ngày) chuyển đến Phòng chuyên môn của Sở để giải quyết.

- Bước 3. Phòng chuyên môn phụ trách lĩnh vực có trách nhiệm phối hợp các đơn vị có liên quan thẩm định, trình lãnh đạo Sở xem xét, quyết định (trong thời hạn 9,5 ngày).

- Bước 4. Cá nhân nhận kết quả trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc tại bộ phận trả kết quả của Trung tâm Phục vụ hành chính công theo hình thức đã đăng ký.

### **b) Cách thức thực hiện**

- Thực hiện trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công;

- Hoặc gửi qua dịch vụ Bưu chính công ích;

- Hoặc nộp trực tiếp.

### **c) Thành phần, số lượng hồ sơ**

#### **- Thành phần hồ sơ**

+ Đơn đề nghị cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch nội địa (Mẫu số 11 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15 tháng 12 năm 2017, được thay thế bằng Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 13/2019/TT-BVHTTDL ngày 25/11/2019);

+ Sơ yếu lý lịch có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi cư trú;

+ Bản scan hoặc bản chụp từ bản chính (đối với trường hợp nộp trực tuyến), bản sao (đối với trường hợp nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ Bưu chính công ích) có chứng thực các giấy tờ sau: bằng tốt nghiệp trung cấp trở lên chuyên ngành hướng dẫn du lịch; hoặc bằng tốt nghiệp trung cấp trở lên chuyên ngành khác và chứng chỉ nghiệp vụ hướng dẫn du lịch nội địa;

+ Giấy chứng nhận sức khỏe do cơ sở khám bệnh, chữa bệnh có thẩm quyền cấp trong thời hạn không quá 06 tháng tính đến thời điểm nộp hồ sơ;

+ 02 ảnh chân dung màu cỡ 3 cm x 4 cm.

**- Số lượng hồ sơ:** 01 bộ.

**d) Thời hạn giải quyết:** 10 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

**đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Cá nhân.

**e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính**

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch.
- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

**g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Thở hướng dẫn viên du lịch nội địa.

**h) Phí, lệ phí:** 325.000 đồng/thẻ (Thông tư số 120/2021/TT-BTC ngày 24 tháng 12 năm 2021 có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2022 đến hết ngày 30/6/2022). \*

**i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai**

Đơn đề nghị cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch nội địa (Mẫu số 11 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15 tháng 12 năm 2017, được thay thế bằng Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 13/2019/TT-BVHTTDL ngày 25/11/2019);

**k) Yêu cầu, điều kiện thủ tục hành chính**

- Có quốc tịch Việt Nam, thường trú tại Việt Nam;
- Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ;
- Không mắc bệnh truyền nhiễm, không sử dụng chất ma túy;
- Tốt nghiệp trung cấp trở lên chuyên ngành hướng dẫn du lịch; trường hợp tốt nghiệp trung cấp trở lên chuyên ngành khác phải có chứng chỉ nghiệp vụ hướng dẫn du lịch nội địa.

**l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính**

- Luật Du lịch số 09/2017/QH14 ngày 19 tháng 6 năm 2017. Có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2018.

- Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết một số điều của Luật Du lịch. Có hiệu lực từ ngày 01 tháng 02 năm 2018.

- Thông tư số 33/2018/TT-BTC ngày 30 tháng 3 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý phí thẩm định cấp Giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành quốc tế, Giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa; phí thẩm định cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch; lệ phí cấp Giấy phép thành lập văn phòng đại diện tại Việt Nam của doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành nước ngoài. Có hiệu lực từ ngày 14 tháng 5 năm 2018.

- Thông tư số 13/2019/TT-BVHTTDL ngày 25/11/2019 sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết một số điều của Luật Du lịch. Có hiệu lực từ ngày 20/1/2020.

- Thông tư số 120/2021/TT-BTC ngày 24/12/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu một số khoản phí, lệ phí nhằm hỗ trợ, tháo gỡ khó khăn cho đối tượng chịu ảnh hưởng của dịch Covid-19. Có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2022 đến hết ngày 30/6/2022. \*

**Mẫu đơn, tờ khai đính kèm.**

---

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày....tháng ... năm .....

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ**  
**Cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch nội địa**

Kính gửi: Sở Du lịch/Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh/thành phố.....

- Họ và tên (*chữ in hoa*): .....
- Ngày sinh: ...../...../..... - Giới tính:  Nam  Nữ
- Dân tộc: ..... - Tôn giáo: .....
- Giấy Chứng minh nhân dân/*Thẻ căn cước công dân*/Hộ chiếu số : .....
- Nơi cấp:..... - Ngày cấp: .....
- Hộ khẩu thường trú:.....
- Trình độ chuyên môn nghiệp vụ:.....
- Địa chỉ liên lạc: .....
- Điện thoại: ..... - Email:.....

Căn cứ vào các quy định hiện hành, kính đề nghị Sở Du lịch/Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh/thành phố..... thẩm định và cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch nội địa cho tôi.

Tôi cam kết chịu trách nhiệm hoàn toàn về tính chính xác, trung thực của nội dung hồ sơ đề nghị cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch./.

**NGƯỜI ĐỀ NGHỊ CẤP THẺ**  
*(Ký và ghi rõ họ tên)*

## **7. Cấp đổi thẻ hướng dẫn viên du lịch quốc tế, thẻ hướng dẫn viên du lịch nội địa. Mã số TTHC: 1.001432.**

### **a) Trình tự thực hiện**

- Bước 1. Hướng dẫn viên du lịch quốc tế, hướng dẫn viên du lịch nội địa lập hồ sơ trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc nộp trực tiếp cho Bộ phận tiếp nhận của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, địa chỉ: số 727, QL 14, phường Tân Bình, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước.

- Bước 2. Cán bộ tiếp nhận kiểm tra tính hợp lệ, đầy đủ của hồ sơ:

+ Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ thì hướng dẫn cụ thể để hoàn thiện hồ sơ.

+ Hồ sơ đầy đủ thì viết Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả sau đó (trong thời hạn 0,5 ngày) chuyển đến Phòng chuyên môn của Sở để giải quyết.

- Bước 3. Phòng chuyên môn phụ trách lĩnh vực có trách nhiệm phối hợp các đơn vị có liên quan thẩm định, trình lãnh đạo Sở xem xét, quyết định (trong thời hạn 6,5 ngày).

- Bước 4. Cá nhân nhận kết quả trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc tại bộ phận trả kết quả của Trung tâm Phục vụ hành chính công theo hình thức đã đăng ký.

### **b) Cách thức thực hiện**

- Thực hiện trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công;

- Hoặc gửi qua dịch vụ Bưu chính công ích;

- Hoặc nộp trực tiếp.

### **c) Thành phần, số lượng hồ sơ**

#### **- Thành phần hồ sơ**

+ Đơn đề nghị cấp đổi thẻ hướng dẫn viên du lịch (Mẫu số 12 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15 tháng 12 năm 2017, được thay thế bằng Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư số 13/2019/TT-BVHTTDL ngày 25/11/2019);

+ Sơ yếu lý lịch có xác nhận của Ủy ban nhân dân cấp xã nơi cư trú;

+ Giấy chứng nhận sức khỏe do cơ sở khám bệnh, chữa bệnh có thẩm quyền cấp trong thời hạn không quá 06 tháng tính đến thời điểm nộp hồ sơ;

+ 02 ảnh chân dung màu cỡ 3 cm x 4 cm\*.

+ Bản scan hoặc bản chụp từ bản chính (đối với trường hợp nộp trực tuyến), bản sao (đối với trường hợp nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ Bưu chính công ích) có chứng thực giấy chứng nhận đã qua khóa cập nhật kiến thức cho hướng dẫn viên du lịch do Sở Du lịch/Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch cấp;

+ Thẻ hướng dẫn viên du lịch đã được cấp.

- **Số lượng hồ sơ:** 01 bộ.

**d) Thời hạn giải quyết:** 07 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

**đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Cá nhân.

**e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính**

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

**g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Thẻ hướng dẫn viên du lịch quốc tế/Thẻ hướng dẫn viên du lịch nội địa.

**h) Phí, lệ phí:** 325.000 đồng/thẻ (Thông tư số 120/2021/TT-BTC ngày 24 tháng 12 năm 2021 có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2022 đến hết ngày 30/6/2022).\*

**i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai**

Đơn đề nghị cấp đổi thẻ hướng dẫn viên du lịch (Mẫu số 12 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15 tháng 12 năm 2017, được thay thế bằng Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư số 13/2019/TT-BVHTTDL ngày 25/11/2019)

**k) Yêu cầu, điều kiện thủ tục hành chính**

Bảo đảm duy trì các điều kiện cấp thẻ:

- Có quốc tịch Việt Nam, thường trú tại Việt Nam;

- Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ;

- Không mắc bệnh truyền nhiễm, không sử dụng chất ma túy;

- Hướng dẫn viên du lịch nội địa tốt nghiệp trung cấp trở lên chuyên ngành hướng dẫn du lịch; trường hợp tốt nghiệp trung cấp trở lên chuyên ngành khác phải có chứng chỉ nghiệp vụ hướng dẫn du lịch nội địa. Hướng dẫn viên du lịch quốc tế tốt nghiệp cao đẳng trở lên chuyên ngành hướng dẫn du lịch; trường hợp tốt nghiệp cao đẳng trở lên chuyên ngành khác phải có chứng chỉ nghiệp vụ hướng dẫn du lịch quốc tế;

- Sử dụng thành thạo ngoại ngữ đăng ký hành nghề (đối với hướng dẫn viên du lịch quốc tế): đáp ứng một trong các tiêu chuẩn sau:

+ Có bằng tốt nghiệp cao đẳng trở lên chuyên ngành ngoại ngữ;

+ Có bằng tốt nghiệp cao đẳng trở lên theo chương trình đào tạo bằng tiếng nước ngoài\* ;

- Có bằng tốt nghiệp cao đẳng trở lên ở nước ngoài theo chương trình đào tạo bằng ngôn ngữ chính thức của nước sở tại. Trường hợp được đào tạo bằng ngôn ngữ khác với ngôn ngữ chính thức của nước sở tại, cần bổ sung giấy tờ chứng minh ngôn ngữ được sử dụng để đào tạo;

- Có chứng chỉ ngoại ngữ bậc 4 trở lên Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc có chứng chỉ ngoại ngữ đạt mức yêu cầu theo quy định

tại Phụ lục I Thông tư 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15/12/2017 (được thay thế bằng Phụ lục I Thông tư số 13/2019/TT-BVHTTDL ngày 25/11/2019) còn thời hạn, do tổ chức, cơ quan có thẩm quyền cấp.

**l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính**

- Luật Du lịch số 09/2017/QH14 ngày 19/6/2017. Có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2018.

- Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết một số điều của Luật Du lịch. Có hiệu lực từ ngày 01/02/2018.

- Thông tư số 33/2018/TT-BTC ngày 30 tháng 3 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý phí thẩm định cấp Giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành quốc tế, Giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa; phí thẩm định cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch; lệ phí cấp Giấy phép thành lập văn phòng đại diện tại Việt Nam của doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành nước ngoài. Có hiệu lực từ ngày 14 tháng 5 năm 2018.

- Thông tư số 13/2019/TT-BVHTTDL ngày 25/11/2019 sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết một số điều của Luật Du lịch. Có hiệu lực từ ngày 20/1/2020.

- *Thông tư số 120/2021/TT-BTC ngày 24/12/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu một số khoản phí, lệ phí nhằm hỗ trợ, tháo gỡ khó khăn cho đối tượng chịu ảnh hưởng của dịch Covid-19. Có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2022 đến hết ngày 30/6/2022. \**

***Mẫu đơn, tờ khai đính kèm.***

---

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày....tháng ... năm .....

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ**  
**Cấp đổi thẻ hướng dẫn viên du lịch.....(1).....**

Kính gửi: Sở Du lịch/Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch.....

- Họ và tên (*chữ in hoa*): .....
- Ngày sinh: ...../...../..... - Giới tính:  Nam  Nữ
- Dân tộc: ..... - Tôn giáo: .....
- Giấy Chứng minh nhân dân/*Thẻ căn cước công dân*/Hộ chiếu số : .....
- Nơi cấp: ..... - Ngày cấp: .....
- Hộ khẩu thường trú:.....
- Địa chỉ liên lạc: .....
- Điện thoại: ..... Email: .....
- Đã được cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch:
  - + Loại:  Nội địa  Quốc tế  Tại điểm
  - + Số thẻ: ..... - Nơi cấp: ..... - Ngày cấp: ...../...../.....
  - Lý do đề nghị cấp đổi thẻ: .....

.....

Căn cứ vào các quy định hiện hành, kính đề nghị Sở Du lịch/Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh/thành phố..... thẩm định và cấp đổi thẻ hướng dẫn viên du lịch .....(\*)..... cho tôi.

Tôi cam kết chịu trách nhiệm hoàn toàn về tính chính xác, trung thực của nội dung hồ sơ đề nghị cấp đổi thẻ hướng dẫn viên du lịch./.

**NGƯỜI ĐỀ NGHỊ CẤP THẺ**  
*(Ký và ghi rõ họ tên)*

**Hướng dẫn ghi:**

*(1) Quốc tế hoặc nội địa.*

## **8. Cấp lại thẻ hướng dẫn viên du lịch. Mã số TTHC: 1.004614.**

### **a) Trình tự thực hiện**

- Bước 1. Hướng dẫn viên du lịch lập hồ sơ trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công hoặc gửi qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc nộp trực tiếp cho Bộ phận tiếp nhận của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, địa chỉ: số 727, QL 14, phường Tân Bình, thành phố Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước.

- Bước 2. Cán bộ tiếp nhận kiểm tra tính hợp lệ, đầy đủ của hồ sơ:

+ Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ thì hướng dẫn cụ thể để hoàn thiện hồ sơ.

+ Hồ sơ đầy đủ thì viết Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả sau đó (trong thời hạn 0,5 ngày) chuyển đến Phòng chuyên môn của Sở để giải quyết.

- Bước 3. Phòng chuyên môn phụ trách lĩnh vực có trách nhiệm phối hợp các đơn vị có liên quan thẩm định, trình lãnh đạo Sở xem xét, quyết định (trong thời hạn 5,5 ngày).

- Bước 4. Cá nhân nhận kết quả trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích hoặc tại bộ phận trả kết quả của Trung tâm Phục vụ hành chính công theo hình thức đã đăng ký.

### **b) Cách thức thực hiện**

- Thực hiện trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công;

- Hoặc gửi qua dịch vụ Bưu chính công ích;

- Hoặc nộp trực tiếp.

### **c) Thành phần, số lượng hồ sơ**

#### **- Thành phần hồ sơ**

+ Đơn đề nghị cấp lại thẻ hướng dẫn viên du lịch (Mẫu số 12 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15 tháng 12 năm 2017, được thay thế bằng Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư số 13/2019/TT-BVHTTDL ngày 25/11/2019);

+ 02 ảnh chân dung màu cỡ 3 cm x 4 cm;

+ Bản scan hoặc bản chụp từ bản chính (đối với trường hợp nộp trực tuyến), bản sao (đối với trường hợp nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ Bưu chính công ích) có chứng thực các giấy tờ liên quan đến nội dung thay đổi trong trường hợp cấp lại thẻ do thay đổi thông tin trên thẻ hướng dẫn viên du lịch.

- **Số lượng hồ sơ:** 01 bộ.

**d) Thời hạn giải quyết:** 06 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

**đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Cá nhân.

**e) Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính**

- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch.
- Cơ quan trực tiếp thực hiện TTHC: Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

**g) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Thẻ hướng dẫn viên du lịch quốc tế/Thẻ hướng dẫn viên du lịch nội địa/Thẻ hướng dẫn viên du lịch tại điểm.

**h) Phí, lệ phí**

- 325.000 đồng/thẻ hướng dẫn viên du lịch quốc tế hoặc thẻ hướng dẫn viên du lịch nội địa (Thông tư số 120/2021/TT-BTC ngày 24 tháng 12 năm 2021 có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2022 đến hết ngày 30/6/2022). \*

- 100.000 đồng/thẻ hướng dẫn viên du lịch tại điểm (Thông tư số 120/2021/TT-BTC ngày 24 tháng 12 năm 2021 có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2022 đến hết ngày 30/6/2022). \*

**i) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai**

Đơn đề nghị cấp lại thẻ hướng dẫn viên du lịch (Mẫu số 12 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15 tháng 12 năm 2017, được thay thế bằng Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư số 13/2019/TT-BVHTTDL ngày 25/11/2019).

**k) Yêu cầu, điều kiện thủ tục hành chính**

Bảo đảm duy trì các điều kiện cấp thẻ:

- Có quốc tịch Việt Nam, thường trú tại Việt Nam;
- Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ;
- Không mắc bệnh truyền nhiễm, không sử dụng chất ma túy;
- Hướng dẫn viên du lịch nội địa tốt nghiệp trung cấp trở lên chuyên ngành hướng dẫn du lịch; trường hợp tốt nghiệp trung cấp trở lên chuyên ngành khác phải có chứng chỉ nghiệp vụ hướng dẫn du lịch nội địa. Hướng dẫn viên du lịch quốc tế tốt nghiệp cao đẳng trở lên chuyên ngành hướng dẫn du lịch; trường hợp tốt nghiệp cao đẳng trở lên chuyên ngành khác phải có chứng chỉ nghiệp vụ hướng dẫn du lịch quốc tế. Hướng dẫn viên du lịch tại điểm đạt yêu cầu kiểm tra nghiệp vụ hướng dẫn du lịch tại điểm do Sở Du lịch/Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tổ chức.
- Sử dụng thành thạo ngoại ngữ đăng ký hành nghề (đối với hướng dẫn viên du lịch quốc tế): đáp ứng một trong các tiêu chuẩn sau:
  - + Có bằng tốt nghiệp cao đẳng trở lên chuyên ngành ngoại ngữ;
  - + Có bằng tốt nghiệp cao đẳng trở lên theo chương trình đào tạo bằng tiếng nước ngoài;

+ Có bằng tốt nghiệp cao đẳng trở lên ở nước ngoài theo chương trình đào tạo bằng ngôn ngữ chính thức của nước sở tại. Trường hợp được đào tạo bằng ngôn ngữ khác với ngôn ngữ chính thức của nước sở tại, cần bổ sung giấy tờ chứng minh ngôn ngữ được sử dụng để đào tạo;

+ Có chứng chỉ ngoại ngữ bậc 4 trở lên Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc có chứng chỉ ngoại ngữ đạt mức yêu cầu theo quy định tại Phụ lục I Thông tư 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15/12/2017 (được thay thế bằng Phụ lục I Thông tư số 13/2019/TT-BVHTTDL ngày 25/11/2019) còn thời hạn, do tổ chức, cơ quan có thẩm quyền cấp.

#### **l) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

- Luật Du lịch số 09/2017/QH14 ngày 19/6/2017. Có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2018.

- Thông tư số 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết một số điều của Luật Du lịch. Có hiệu lực từ ngày 01/02/2018.

- Thông tư số 33/2018/TT-BTC ngày 30 tháng 3 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý phí thẩm định cấp Giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành quốc tế, Giấy phép kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa; phí thẩm định cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch; lệ phí cấp Giấy phép thành lập văn phòng đại diện tại Việt Nam của doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành nước ngoài. Có hiệu lực từ ngày 14 tháng 5 năm 2018.

- Thông tư số 13/2019/TT-BVHTTDL ngày 25/11/2019 sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư 06/2017/TT-BVHTTDL ngày 15/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch quy định chi tiết một số điều của Luật Du lịch. Có hiệu lực từ ngày 20/1/2020.

- *Thông tư số 120/2021/TT-BTC ngày 24/12/2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu một số khoản phí, lệ phí nhằm hỗ trợ, tháo gỡ khó khăn cho đối tượng chịu ảnh hưởng của dịch Covid-19. Có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2022 đến hết ngày 30/6/2022. \**

***Mẫu đơn, tờ khai đính kèm.***

---

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày....tháng ... năm .....

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ**  
**Cấp lại thẻ hướng dẫn viên du lịch.....(\*).....**

Kính gửi: Sở Du lịch/Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch.....

- Họ và tên (*chữ in hoa*): .....
- Ngày sinh: ...../...../..... - Giới tính:    Nam    Nữ
- Dân tộc: ..... - Tôn giáo: .....
- Giấy Chứng minh nhân dân/*Thẻ căn cước công dân*/Hộ chiếu số : .....
- Nơi cấp: ..... - Ngày cấp: .....
- Hộ khẩu thường trú:.....
- Địa chỉ liên lạc: .....
- Điện thoại: ..... Email: .....
- Đã được cấp thẻ hướng dẫn viên du lịch:
- + Loại:    Nội địa            Quốc tế            Tại điểm
- + Số thẻ: ..... - Nơi cấp: ..... - Ngày cấp: ...../...../.....
- Lý do đề nghị cấp lại thẻ: .....

.....

Căn cứ vào các quy định hiện hành, kính đề nghị Sở Du lịch/Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh/thành phố..... thẩm định và cấp lại thẻ hướng dẫn viên du lịch .....(\*)..... cho tôi.

Tôi cam kết chịu trách nhiệm hoàn toàn về tính chính xác, trung thực của nội dung hồ sơ đề nghị cấp lại thẻ hướng dẫn viên du lịch./.

**NGƯỜI ĐỀ NGHỊ CẤP THẺ**  
*(Ký và ghi rõ họ tên)*

**Hướng dẫn ghi:**

*(\*) Quốc tế, nội địa hoặc tại điểm.*